

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TÔNG CỘNG						291 849	103 835	188 014			
I		CẢNG CHÍNH						68 949	32 298	36 651			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						35 283	32 298	2 985			
1		DT TM DV	27/9	1215/09	30/9	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020	1 008	12	01/10	TD	GIA HẠN L1
2		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1274/9	07/10	STAR CITY	CÁM 5A.1	21 300	21 298	2	01/10	PTCB	GIA HẠN L1
3		KDT HẢI BẮC	30/9	1286/9	30/9	BN 1962	CÁM 5A.1	1 010	1 002	8	01/10	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	01/10	1284/9	07/10	HD 3833	CÁM 1	2 200	2 198	2	01/10	TD	GIA HẠN L1
5		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	01/10	1285/9	07/10	BN 2006	CÁM 1	1 000	995	5	01/10	TD	GIA HẠN L1
6		ĐẠM NINH BÌNH	01/10	1281/9	10/10	NB 6661	CÁM 4A.1	1 903	1 870	33	01/10		GIA HẠN L1 (HỘ LỚN) - Mỏm: 1.869,40
7		VINACARBON	01/10	1295/10	07/10	BN 0869	CÁM 1	1 000	989	11	01/10	TD	
8		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1291/9	07/10	TUẤN MINH 36	CÁM 5A.1	3 950	2 136	1 814	RÓT DỖ	PTCB	GIA HẠN L1
9		ĐẠM NINH BÌNH	01/10	1287/9	10/10	NB 6685	CÁM 4A.1	1 900	802	1 098	RÓT DỖ		GIA HẠN L1 (HỘ LỚN)
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						33 666		33 666			
1		KDT BẮC THÁI	30/9	1205/8	30/9	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	30/9	1206/8	30/9	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		DVVT QUẢNG NINH	30/9	1218/09	30/9	BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	GIA HẠN L1
4		COALIMEX	01/10	1250/9	07/10	BN 0979	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
5		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1292/9	07/10	AN BÌNH 99	CÁM 5A.1	3 400		3 400		PTCB	GIA HẠN L1
6		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	01/10	1290/9	07/10	BN 2633	CÁM 1	1 610		1 610		TD	GIA HẠN L1
7		SÔNG HỒNG	01/10	1236/9	07/10	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L2
8		DT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
9		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
10		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
11		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CÁM 1	900		900		TD	
12		KDT BẮC THÁI	21/09	1260/9	28/09	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
13		SÔNG HỒNG	22/09	1268/9	28/9	BN 1856	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 1187/8
14		SX&TM THAN UÔNG BÍ	27/9	1275/9	30/9	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		KDT BẮC THÁI	27/9	1276/9	30/9	NB 8111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
16		KDT BẮC THÁI	27/9	1277/9	30/9	BN 1459	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
17		KDT BẮC THÁI	27/9	1278/9	30/9	BN 0988	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
18		KDT HẢI PHÒNG	30/9	1283/9	30/9	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	
19		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1293/10	07/10	BN 2668	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	THAY 1217/9
20		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1294/10	07/10	BN 2629	CỤC XỎ 1C	1 980		1 980		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
21		THAN MIỀN NAM	01/10	1296/10	07/10	VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500		BAUXIT	
22		THAN MIỀN NAM	01/10	1296/10	07/10	VIỆT THUẬN 095-01	CỤC 4A.2	4 100		4 100		BAUXIT	
		Tàu chuyển tải						128 400	54 617	73 783			
		Tàu đang làm hàng						102 200	54 617	47 583			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	22/09	1265/9		VIỆT THUẬN 215-02	CẨM 6A.1	21 300	20 305	995	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 17.000 - KVCP: 4.300
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	22/09	1266/9		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.10	29 200	27 312	1 888	RÓT DỖ	HỘ LỖN	KDTCP: 9.000 - CLM: 14.000 - KVCP: 6.200
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/9	1270/9		HẢI NAM 39	CẨM 6A.10	28 550	5 000	23 550	RÓT DỖ	HỘ LỖN	KDTCP: 5.000 - CLM: 13.000 - KVCP: 10.550
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/9	1271-B/9		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150	2 000	21 150	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 13.000 - KVCP: 10.150
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						26 200		26 200			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/9	1289/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.14	26 200		26 200		HỘ LỖN	KDTCP: 10.000 - CLM: 16.200
II		KHO G9-HÓA CHẤT						49 909	2 584	47 325			
		Tàu đã làm hàng						4 400	2 584	1 816			
1		QUẢNG NINH	30/9	1 216	03/10	BN - 2368	CẨM 8B	1 400	1 375	25	01/10	TD	ĐN - CS
2		MIỀN NAM	01/10	1 106	08/10	HOÀNG ANH 39	CẨM 7A	3 000	1 209	1 791	DỖ	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh						45 509		45 509			
1		CP ĐTTM&DV	27/9	1 105	30/9	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	CAO SƠN - THAY TB 1107/8
2		HÀ NAM NINH	27/9	1 111	30/9	ND - 3168	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
3		CP HÀNG HẢI VN	29/9	1 185	30/9	BN - 2158	CẨM 8A	1 538		1 538		TD	ĐN - CS - THAY TB 1158/8
4		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 205	30/9	HD - 1188	CỤC 1B	1 900		1 900		TD	THỐNG NHẤT
5		COALIMEX	30/9	1 209	30/9	HÀ HẢI 66	CẨM 7C	3 300		3 300		PT CB	ĐN - CS
6		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 221	30/9	BN - 1799	CỤC 1B	900		900		TD	THỐNG NHẤT - THAY TB 71/8
7		MIỀN NAM	30/9	1 225	30/9	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS
8		MIỀN TRUNG	30/9	1 229	30/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7A	1 930		1 930		TD	ĐN - CS
9		NINH BÌNH	30/9	1 230	30/9	TB 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - THAY TB 1093/8
10		HÀ NỘI	30/9	1 235	30/9	BN - 2225	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 452/9
11		CP ĐTTM&DV	30/9	1 236	30/9	PT - 2698	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 1100/8
12		CP VT THUỶ	30/9	1 238	30/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	CAO SƠN
13		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	30/9	1 239	30/9	NB 8927	CẨM 8A	3 020		3 020		TD	CAO SƠN
14		COALIMEX	30/9	1 241	30/9	KHÁNH MINH 68	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	ĐN - CS
15		COALIMEX	30/9	1 242	30/9	BN - 0962	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	CAO SƠN
16		CP HÀNG HẢI VN	30/9	1 243	30/9	HP - 6238	CẨM 7C	1 960		1 960		TD	ĐN - CS
17		COALIMEX	30/9	1 244	30/9	BN - 2212	CẨM 8A	1 921		1 921		TD	ĐN - CS

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]

